TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 01 - 2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Ngọc
2. Ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5043/2023/QĐ-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1978; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố B, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; hiện đang cư trú tại: 38 ALEXANDRA AVE SOHO BIRMINGHAM B 21 OPH, Vương quốc A. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Hải Đ; sinh năm: 1972; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/3/2023, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Hải Đ đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11 tháng 5 năm 1995 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống lúc nào cũng áp lực và mệt mỏi, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do thiếu thốn về kinh tế, chồng chỉ biết lo cho bản thân mà không lo cho gia đình. Chị H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung, Trần Đức H1, sinh ngày 11/5/1995; Trần Đức H2, sinh ngày 02/02/1999 và Trần Văn Đ1, sinh ngày 16/8/2002. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 29/5/2023, bị đơn anh Trần Hải Đ trình bày: Anh Trần Hải Đ và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/1995 tại UBND phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tình cảm với nhau một thời gian. Sau đó chị H đi nước ngoài (Anh quốc), từ đó tình cảm vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng về tình cảm và kinh tế gia đình, nay chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn; Về quan hệ con chung: có ba người con Trần Đức H1, sinh ngày 11/5/1995; Trần Đức H2, sinh ngày 02/02/1999 và Trần Văn Đ1, sinh ngày 16/8/2002, các con đều đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết; Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa cả chị H và anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Các cháu Trần Đức H1, sinh ngày 11/5/1995; cháu Trần Đức H2, sinh ngày 02/02/1999 và cháu Trần Văn Đ1, sinh ngày 16/8/2002 đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Các đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà; Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là công dân Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố B, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và cư trú ở

nước ngoài. Sau khi về Việt Nam, ngày 17/3/2023 chị H làm đơn xin ly hôn anh Trần Hải Đ, sau đó chị H ra nước ngoài. Theo thông tin cung cấp của Cục Q Bộ C thì chị Nguyễn Thị H đã sử dụng hộ chiếu N2006996, xuất cảnh ngày 06/04/2023 qua sân bay quốc tế N, chưa thấy thông tin nhập cảnh.

Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ cũng làm đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Hải Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Theo như chị H và anh Đ trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về tình cảm lẫn kinh tế, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị H xin ly hôn, anh Đ cũng đồng ý. Xét thấy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Hải Đ.

[2.2].Về con chung: Chị H và anh Đ có ba con chung mang tên Trần Đức H1, sinh ngày 11/5/1995; Trần Đức H2, sinh ngày: 02/02/1999 và Trần Văn Đ1, sinh ngày 16/8/2002 đều đã trưởng thành, không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 277, Điều 147, Điều 153, Điều 464, Điều 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Hải Đ;

2. *Về quan hệ con chung:* Các con chung của chị H và anh Đ đều đã trưởng thành, không có ai yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét.

4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 31AA/2021/0005249 ngày 22/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ; Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày nhận được bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND P. Phú Hải, TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn